|  |  |
| --- | --- |
| **TUẦN 34 -TIẾT 135 +136** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II** **Năm học 2023 – 2024** **MÔN: NGỮ VĂN 6****Thời gian làm bài:** 90 phút |

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức.**

Nhằm thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức,kỹ năng trong chương trình học kì II môn Ngữ văn 6,kiểm tra tổng hợp kiếm thức cả về Văn học,Tiếng Việt,Tập làm văn;mục đích đánh giá năng lực nhận biết,thông hiểu và vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào bài văn tự luận.

**2.Kĩ năng.**

**-**Vận dụng linh hoạt theo hướng tích hợp kiến thức của ba phân môn Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn trong một bài kiểm tra.

-Đánh giá năng lực vận dụng phương thức nghị luận vào làm bài tập làm văn.

**3.Thái độ.**

-Nghiêm túc làm bài.

**II:MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6 - Bộ sách Kết nối tri thức với Cuộc sống**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Văn bản thông tin |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Vă n bản nghị luận | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **Nhận biết:**- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản.- Nhận biết được cách thức mô tả vấn đề, tường thuật lại sự kiện trong văn bản thông tin.- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.- Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.- Trình bày được tác dụng của nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong văn bản. - Trình bày được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản thuật lại một sự kiện với mục đích của nó.- Giải thích được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...).- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng:** - Rút ra được những bài học từ nội dung văn bản.- Đánh giá được giá trị của thông tin trong văn bản hoặc cách thức truyền tải thông tin trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản. |
| **2** | **Viết** | Trình bày ý kiến về một hiện tượng xã hội mà mình quan tâm. | **Nhận biết:** **Thông hiểu:****Vận dụng:** **Vận dụng cao:**Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **60** | **40** |

**III:ĐỀ BÀI**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm) Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.*

 (Trích “*Nếu biết trăm năm là hữu hạn*”) – Phạm Lữ Ân)

 **Lựa chọn đáp án đúng nhất.**

**Câu 1:** Đoạn văn bản trên thuộc loại văn bản nào trong các thể loại văn bản sau:

 A:Truyện kể B. Nghị luận C. Kí D. Biểu cảm

**Câu 2**: Câu văn: “*Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều sinh ra với những giá trị có sẵn.*” Từ “*chắc chắn*” là từ ghép, đúng hay sai?

 A.Đúng B. Sai

**Câu 3:** Bốn câu văn đầu đoạn văn tác giả nêu ý kiến gì?

A.Bạn có thể chỉ là người rất thông minh và xinh đẹp.

B.Bạn có thể chỉ giỏi các môn năng khiếu như thể thao, hát hay.

C.Bạn có thể giỏi ở tất cả các lĩnh vực.

D.Bạn có thể không giỏi ở lĩnh vực này nhưng lại có giá trị ở lĩnh vực khác.

**Câu 4:** Bốn câu văn đầu đoạn có vai trò như thế nào đối với đoạn văn?

A.Nêu ra dẫn chứng để đi đến kết luận vấn đề

B.Nêu lí lẽ để đi đến kết luận vấn đề

C.Nêu ra những bằng chứng và lí lẽ để đi đến kết luận vấn đề

 D. Nêu ra những kết luận vấn đề

**Câu 5:** Bốn câu văn đầu đoạn văn đều sử dụng câu ghép có sử dụng các từ “ có thể không – nhưng” ở mỗi vế câu để diễn tả mối quan hệ gì?

A.Quan hệ đối lập

B.Quan hệ tăng tiến

C.Quan hệ loại trừ

 D.Quan hệ phân loại

**Câu 6:** Em hiểu nghĩa của từ “*giá trị*” trong câu văn: “*Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều sinh ra với những giá trị có sẵn*.” nghĩa là gì?

A.Là ước mơ cao đẹp mà mỗi chúng ta cần phấn đấu vươn tới

B.Là điểm mạnh của bản thân mà chúng ta cần nhận ra và phát huy

C.Là việc làm mà chúng ta cần thực hiện mỗi ngày

D.Là hạn chế của bản thân mà chúng ta cần nhận ra và khắc phục

**Câu 7**: Trong đoạn trích tác giả trình bày ý kiến gì?

A.Chúng ta cần nhận ra giá trị của bản thân mình để phát huy nó đem đến cho cuộc sống ý nghĩa tốt đẹp.

B.Chúng ta cần biết chuyên cần để vượt qua những hạn chế của bản thân.

C.Chúng ta cần chăm chỉ học hỏi để vươn lên trong cuộc sống.

D.Chúng ta cần sống hòa nhã yêu thương mọi người để nhận ra giá trị tốt đẹp của họ.

**Câu 8.** Có thể thay từ giá trị trong câu văn: “*Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải* *biết mình, phải nhận ra những giá trị đó*” bằng từ nào có ý nghĩa tương đương?

A.Ý nghĩa B. Điểm mạnh C. Tài năng D. Nhiệm vụ

**Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Em có đồng ý với quan điểm của tác giả trong đoạn văn trên không? Vì sao?

**Câu 10.** Từ nội dung đoạn văn bản trên em đã “nhận ra” những giá trị gì của bản thân? Hãy chia sẻ điều đó.

**Phần II. Viết: (*4 điểm)***

 Hiện nay tình trạng nói chuyện riêng ở học sinh đang diễn ra rất phổ biến. Em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ về hiện tượng trên?

 **HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| I |  |  ĐỌC HIỂU | 6,0 |
| 1 | B | 0,5 |
| 2 | A | 0,5 |
| 3 | D | 0,5 |
| 4 | C | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | B | 0,5 |
| 9 | - Học sinh nêu được quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý- Tùy theo cách diễn đạt của các em nhưng cần hợp lí và nêu được các ý sau: + Trên thực tế ai cũng có những hạn chế cũng như ai cũng có những ưu điểm của bản thân.+ Cần biết phát hiện những giá trị của bản thân mình. Biết trân trọng bản thân mình+ Biết phát huy những ưu điểm của bản thân. Biết khắc phục những khuyết điểm. hạn chế. | 1,0 |
| 10 | - HS nêu được những sở trường (giá trị) của bản thân mình- Nêu được những việc cần làm để phát huy những sở trường (giá trị) đó của bản thân. | 1,0 |
| **Phần II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Hiện tượng* *nói chuyện riêng*  | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:*HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
|  | **\*Mở bài:** + Giới thiệu hiện tượng+Nhấn mạnh hậu quả của bệnh -> Là một căn bệnh vô cùng khó chữa**\*Thân bài**- **Giải thích** thế nào là nói chuyện riêng trong giờ học:… nói, bàn bạc và thảo luận về những vấn đề không liên quan đến những gì giáo viên đang giảng dạy trên lớp….- **Thực trạng** nói chuyện riêng trong các giờ học của học sinh hiện nay diễn ra nhiều và ngày càng gia tăng…- Lí giải **nguyên nhân** và **hậu quả** nói chuyện riêng.- Nêu **giải pháp** để ngăn chặn hiện tượng này nói chuyện riêng.**\*Kết bài**:- Khẳng định lại tác hại- Liên hệ rút ra bài học cho bản thân. | O,51.5 0,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |

 ……………………………………………………………………….